

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI BIGICO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI BIGICO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIGICO TRADING AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BIGICO., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107735920

3. Ngày thành lập: 24/02/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 108, đường Phan Trọng Tuệ, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0914 027 459

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;	4649
2.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
3.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
4.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
5.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
6.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
7.	Khai thác gỗ	0221
8.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
9.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
10.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
11.	Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: Chăn nuôi gà, vịt, ngan, ngỗng; Chăn nuôi gia cầm khác	0146
12.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
13.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
14.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210

15.	Phá dỡ	4311
16.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
17.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
18.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
19.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh,	4329
20.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
21.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà,	4390
22.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4511
23.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
24.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
25.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
26.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
27.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
28.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
29.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
30.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
31.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
32.	Cho thuê xe có động cơ	7710

33.	In ấn	1811
34.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
35.	Thu gom rác thải độc hại	3812
36.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; - Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân; - Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học; - Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển; - Huỷ bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác; - Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác.	3900
37.	Bán buôn gạo	4631
38.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
39.	Bán buôn đồ uống	4633
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
41.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
42.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
43.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
44.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
45.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
46.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
47.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
48.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: Khai thác củi, luồng, vầu, tre, nứa, cây đặc sản, song, mây	0222
49.	Xây dựng nhà các loại	4100
50.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
51.	Trồng cây ăn quả	0121
52.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
53.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142

54.	Chăn nuôi lợn	0145
55.	Sản xuất sợi	1311
56.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
57.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
58.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
59.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
60.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
61.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
62.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
63.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
64.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
65.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
66.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
67.	Xây dựng công trình công ích	4220
68.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê.	4290
69.	Bán mô tô, xe máy	4541
70.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
71.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
72.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
73.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
74.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
75.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
76.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
77.	Sao chép bản ghi các loại	1820
78.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
79.	Khai thác và thu gom than non	0520
80.	Khai thác quặng sắt	0710
81.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
82.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
83.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
84.	Tái chế phế liệu	3830

85.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
86.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Đồ ngũ kim; - Sơn, véc ni và sơn bóng; - Kính phẳng; - Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; - Thiết bị và vật liệu để tự làm.	4752
87.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
88.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
90.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
91.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
92.	Đại lý du lịch	7911
93.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
94.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
95.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061

96.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
97.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
98.	Bốc xếp hàng hóa	5224
99.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác Chi tiết: Thu nhặt hoa quả, rau hoang dại như trám, quả mọng, quả hạch, quả dầu, nấm rừng, rau rừng, quả rừng tự nhiên;	0230
100.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
101.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
102.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
103.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
104.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
105.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
106.	Chăn nuôi dê, cừu (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	0144

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÁM VĂN LỘC	Thôn Đồng Con 2, Xã Tân Lập, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	10,000	122147065	
			Tổng số	90.000	900.000.000	10,000		
2	VI THỊ THÁI	Thôn Ấp, Xã Tân Quang, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	9.000.000.000	100,000	121947539	
			Tổng số	90.000	9.000.000.000	100,000		

3	LỤC VĂN NHÉT	Thôn Đồng Con 2, Xã Tân Lập, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	720.000	7.200.000.000	80,000	121802605	
			Tổng số	720.000	7.200.000.000	80,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VI THỊ THÁI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/11/1992

Dân tộc: Sán Dìu

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121947539

Ngày cấp: 22/05/2007

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Áp, Xã Tân Quang, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Áp, Xã Tân Quang, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội